

Bản án số: 47/2022/DS - ST
Ngày: 16 - 9 - 2022
V/v kiện đòi lại di sản thừa kế và yêu cầu
hủy văn bản phân chia thừa kế và hủy
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST - DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc đòi lại di sản thừa kế, hủy văn bản phân chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1558/2022/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lại Tấn X, sinh năm 1944

Địa chỉ: Nhà 14, dãy A6, tổ dân phố G, thị trấn Ph, huyện Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lại Tấn Tr

Địa chỉ: Nhà 14, dãy A6, tổ dân phố G, thị trấn Ph, huyện Ph, thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Ông Lại Hữu T, sinh năm 1943

Địa chỉ: Thôn Tr, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D

Địa chỉ: Số 10/16 đường Ng, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

+ Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc Đ – Chủ tịch UBND thành phố Đ; vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tuấn L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; vắng mặt (ông L có đơn đề nghị xử vắng mặt).

+ Ông Lại Tấn N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 215, đường Nh, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Bà Lại Thị B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 24 đường L, tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; anh Lại Hồng Á, sinh năm 1982; chị Lại Hồng Kh và chị Lại Hồng L

Cùng địa chỉ: Số 12/12, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (bà L, anh Á, chị Kh và chị L là vợ và con đẻ của ông Lại Tấn L đã chết năm 2011).

+ Bà Hoàng Thị Hòa B, anh Lại Tấn T, anh Lại Tấn H

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (bà B, anh T, anh H là vợ và con đẻ của ông Lại Tấn T đã chết năm 2013).

+ Bà Trương Thị Minh H, chị Lại Thị Mỹ D, anh Lại Tấn L, anh Lại Tấn Ph

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (bà H, chị D, anh L, anh Ph là vợ và con đẻ của ông Lại Tấn D đã chết năm 2016).

+ Bà Lại Thị Ch, sinh năm 1946

Địa chỉ: Số 2/3 đường Hà Văn Q, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Bà Lại Thị X, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số 6 đường Tr, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Anh Nguyễn Trung K

Địa chỉ: Số 211, đường Nh, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa ông Lại Tấn X và người đại diện theo ủy quyền (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là cụ Lại Tấn Q (tức Lại Q), chết năm 1995 và cụ Hồ Thị Ph, chết năm 1994; hai cụ sinh được 06 người con, gồm: Ông Lại Tấn L (ông L chết năm 2001, có vợ đã chết và 05 người con gồm: Lại Tấn N, Lại Thị B, Lại Tấn L chết năm 2011, Lại Tấn T chết năm 2013 và Lại Tấn D chết năm 2016), ông Lại Hữu T, ông Lại Tấn X, bà Lại Thị Ch, bà Lại Thị X và bà Lại Thị L (chết khi còn nhỏ không có chồng, con); hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại 435m² đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59 và 61, tờ bản đồ số 48) xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số C 235330 ngày

17/8/1993. Ngày 18/7/2011 các đồng thừa kế của cụ Q, cụ Ph lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó ông Lại Tấn X (ủy quyền cho bà Ch), bà Lại Thị Ch và bà Lại Thị X nhất trí tặng cho ông Lại Hữu T toàn bộ quyền được hưởng di sản. Tuy nhiên, sau khi được tặng cho ông T đã vi phạm chuyển nhượng đất của bố mẹ cho người khác nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại di sản của bố, mẹ; hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 18/7/2011; hủy GCNQSDĐ số BK 786226 của UBND thành phố Đ đã cấp cho ông Lại Hữu T ngày 26/10/2012.

Ông Lại Hữu T và người đại diện theo ủy quyền của ông T (viết tắt bị đơn) thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ của bị đơn là cụ Q, cụ Ph chết; số con của hai cụ và di sản thừa kế hai cụ để lại. Theo bị đơn ngày 18/7/2011 các đồng thừa kế đã tặng cho bị đơn 364,8m²/ 435m² đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 4 xã B nên bị đơn có quyền định đoạt diện tích đất này, vì quá trình tặng cho không có điều kiện gì nên bị đơn không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông N, bà B.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Lại Thị X, bà Lại Thị Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Hai bà nhất trí với toàn bộ trình bày nguyên đơn về tên, năm chết, các con của bố mẹ. Diện tích đất là di sản thừa kế của bố mẹ để lại hai bà thừa nhận đã tự nguyện tặng cho ông T kỷ phần thừa kế của mình được hưởng vào năm 2011, nên hiện nay không có quyền gì đối với di sản của bố mẹ để lại, nhưng hai bà đề nghị Tòa án xem xét việc khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác để thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Đơn yêu cầu độc lập, Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Lại Tấn N, bà Lại Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Ông bà là con đẻ của ông Lại Tấn L; ông bà nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về năm chết, số con đẻ và di sản của cụ Q, cụ Ph để lại. Ông bà có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế do ông X, ông T, bà Ch, bà X lập năm 2011, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lại Hữu T và chia di sản thừa kế bằng hiện vật; bởi lẽ văn bản phân chia di sản thừa kế lập năm 2011 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà và các đồng thừa kế khác, vì ông bà là những người được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Q, cụ Ph để lại do bố của ông bà được hưởng.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Tấn L1, Lại Tấn T và Lại Tấn D (ông L, ông T và ông D đã chết là con đẻ của ông Lại Tấn L đã chết) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, không có bản tự khai.

Anh Nguyễn Trung K người nhận chuyển nhượng lại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 39 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 48) xã B của ông Lại Hữu T đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, không có bản tự khai.

Tại Công văn số 682/UBND – TNMT ngày 13 tháng 5 năm 2022 của UBND thành phố Đ trình bày: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 39 xã B đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Lại Hữu T với diện tích 295,6m² đất, sau đó ông T xin tách thành thửa đất số 391 có diện tích 148m² và thửa đất số 392 với diện tích 147,6m² thuộc tờ bản đồ số 39 xã B và đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ theo quy định. Việc cấp và cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Lại Hữu T theo đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện đòi lại di sản thừa kế, yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế lập năm 2011; hủy GCNQSDĐ của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho ông Lại Hữu T năm 2012; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án có đơn yêu cầu độc lập giữ nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn ông Lại Hữu T không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Tấn X về đòi lại di sản thừa kế, yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho ông Lại Hữu T năm 2012; hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế lập năm 2011. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án theo hướng buộc bị đơn phải giao cho các con của ông Lại Tấn L giá trị bằng 01 kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật; buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, miễn án phí vụ kiện cho nguyên đơn, bị đơn, những người được chia di sản thừa kế phải chịu án phí.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lại Tấn X khởi kiện đòi lại di sản thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Đ đã cấp cho ông Lại Hữu T; hủy văn bản phân chia di sản thừa kế năm 2011; giữ nguyên di sản thừa kế của cụ Q, cụ Ph. Theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt đại diện UBND thành phố Đ nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt; những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông

Lại Tấn L, Lại Tấn T và Lại Tấn D và anh Nguyễn Trung K đều vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Thông báo thụ lý số 804/TB – TLVA về việc tranh chấp di sản thừa kế. Ngày 17 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Đơn yêu cầu độc lập của ông Lại Tấn N và bà Lại Thị B; đơn của ông N, bà B làm đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên chấp nhận để giải quyết.

[4] Cụ Lại Tấn Q (tức Lại Q), chết năm 1995; cụ Hồ Thị Ph, chết năm 1994; hai cụ là bố mẹ của: Ông Lại Tấn L (ông L chết năm 2001, có vợ Hoàng Thị K đã chết năm 1991 và 05 người con gồm: Lại Tấn N, Lại Thị B, Lại Tấn L chết năm 2011, Lại Tấn T chết năm 2013 và Lại Tấn D chết năm 2016), ông Lại Hữu T, ông Lại Tấn X, bà Lại Thị Ch, bà Lại Thị X và bà Lại Thị L (chết khi còn nhỏ không có chồng, con); hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của hai cụ thừa nhận, hai cụ để lại 435m² đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 4 xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCNQSDĐ số C 235330 ngày 17/8/1993; theo quy định tại khoản 1 Điều 623 và điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì 05 người con của hai cụ gồm ông L, ông X, ông T, bà Ch và bà X thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của hai cụ để lại và thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Q, cụ Ph đang trong hạn luật định nên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông N, bà B để giải quyết.

[5] Việc nguyên đơn yêu cầu hủy Văn bản phân chia thừa kế lập năm 2011 và GCNQSDĐ cấp cho ông Lại Hữu T năm 2012 thấy: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận năm 2011 nguyên đơn đã ủy quyền cho em gái Lại Thị Ch cùng các đồng thừa kế khác của cụ Q, cụ Ph lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản của hai cụ để lại. Tại văn bản này ông Lại Hữu T, ông Lại Tấn X (ông X uỷ quyền cho bà Ch), bà Lại Thị Ch và bà Lại Thị X tự nguyện nhất trí giao cho ông Lại Hữu T 364,8² đất và 01 nhà cấp 4 tọa lạc tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 4 xã B (năm 2011 đổi thành thửa đất số 216, tờ bản đồ số 39 xã B), diện tích đất còn lại của cụ Q, cụ Ph đã xây dựng nhà thờ các đồng thừa kế không tặng cho ông T. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được thực hiện tại Văn phòng Công chứng và được Công chứng viên chứng thực đúng quy định. Căn cứ văn bản thỏa thuận phân chia di sản UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số BK 946563 ngày 07/8/2012 cho ông Lại Hữu T với diện tích 295,6m² tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 39 xã B (diện tích được cấp trong GCNQSDĐ của ông T nhỏ hơn tại văn bản phân chia di sản thừa kế là do lập hồ sơ thửa đất liên quan đến diện tích nhà thờ đã xây dựng trước khi tặng

cho ông T; bút lục số 36); sau đó ông T xin tách thành hai thửa đất số 391 có diện tích 148m² và thửa đất số 392 với diện tích 147,6m² thuộc tờ bản đồ số 39 xã B và đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ theo quy định (riêng diện tích đất còn lại của cụ Q, cụ Ph đã xây dựng nhà thờ họ trước đó, theo kết quả thẩm định ngày 23/6/2022 có diện tích khoảng 150m² đến nay vẫn chưa cấp đổi GCNQSDĐ). Việc Công chứng viên chứng thực văn bản chia di sản thừa kế và UBND thành phố Đ thực hiện cấp và cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Lại Hữu T theo đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; tại phiên tòa nguyên đơn trình bày chỉ cho bị đơn đứng tên dùm trên diện tích đất của cụ Quýnh, cụ Phương nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, nguyên đơn, bà Chuynh và bà Xuynh đã tự nguyện tặng cho ông Lại Hữu T ký phần thừa kế của mình được hưởng trong khối di sản của cụ Quýnh, cụ Phương, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu độc lập của ông Lại Tấn Ninh và bà Lại Thị Bảo thấy: Như phân tích ở mục [4] thì ông Ninh, bà Bảo, ông Lương, ông Diên và ông Toàn là con đẻ ông Lại Tấn Lương đã chết năm 2001 nên những người này được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương nếu ông Lương còn sống được hưởng. Việc ông Xư, ông Tư, bà Chuynh và bà Xuynh lập văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương và nhường quyền hưởng di sản của mình cho ông Lại Hữu T khi chưa có ý kiến của các đồng thừa kế của ông Lại Tấn Lương là trái quy định làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này. Nhưng như phân tích tại mục [5] thì ông Xư, bà Xuynh và bà Chuynh tự nguyện nhường phần thừa kế của mình cho ông Tư và ông Tư đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCNQSDĐ nên những người này không được hưởng phần thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương nữa. Đối các đồng thừa kế của ông Lại Tấn Lương được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương bằng giá trị. Vì như phân tích tại mục [5] thì di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Quýnh, cụ Phương đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCNQSDĐ cho ông Tư năm 2012, sau đó ông Tư tách thửa đất thành hai thửa đất số 391 và 392, tờ bản đồ số 39 xã Bảo Ninh và đã chuyển nhượng thửa đất số 391 có diện tích 148m² cho ông Nguyễn Hữu Thuyết, bà Bùi Thị Như Hải từ năm 2013 và được cấp đổi lại thành GCNQSDĐ số CR 083429 ngày 10/5/2019, sau đó ông Thuyết, bà Hải chuyển nhượng lại cho ông Thống, bà Lam và hiện nay anh Nguyễn Trung Kiên nhận chuyển nhượng lại thửa đất này (bút lục số 86); thửa đất số 392, tờ bản đồ số 39 (nay là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 48) xã Bảo Ninh có diện tích 147,6m² ông Tư được cấp GCNQSDĐ số BK 786226 ngày 26/10/2012 hiện nay ông Tư đã làm nhà ở cấp 4 kiên cố trên thửa đất này nên không thể chia bằng hiện vật được (bút lục số 17). Đối với diện tích còn lại khoảng 150m² của cụ Quýnh, cụ Phương đã được các đồng thừa kế của hai cụ xây dựng nhà thờ trước khi nhường quyền thừa kế diện tích đất còn lại cho ông Tư, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn

và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh chấp đến diện tích này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Như phân tích tại mục [5] và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì các bên chỉ tranh chấp 295,6m² đất thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCNQSDĐ số BK 946563 ngày 07/8/2012 cho ông Lại Hữu Tư tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 39 xã Bảo Ninh. Theo kết quả định giá ngày 23/6/2022 thì thửa đất có tranh chấp có giá thực tế là 70.000.000 đồng/m² nhưng giá không ổn định khó xác định theo thị trường; theo kết quả đấu giá đất tại xã Bảo Ninh năm 2019 (lần đấu giá gần nhất) của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Quảng Bình thì diện tích đất và vị trí đất tương đương diện tích đất tranh chấp có giá 17.502.000 đồng/m². Để đảm bảo tính khách quan tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, Hội đồng xét xử lấy giá bình quân giữa giá hội đồng định giá và giá đấu của trúng của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Quảng Bình, theo đó diện tích đất thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương có giá bình quân là $43.751.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 295,6 \text{m}^2 = 12.932.795.000 \text{ đồng}$; theo đó mỗi đồng thừa kế của cụ Quýnh, cụ Phương được hưởng 2.586.559.000 đồng.

[9] Như phân tích tại mục [7] cần buộc bị đơn trả cho các đồng thừa kế của ông Lại Tấn Lương 2.586.559.000 đồng (hai tỷ, năm trăm tám sáu triệu, năm trăm năm sáu ngàn đồng), cụ thể ông Lại Hữu Tư phải trả cho các ông bà số tiền như sau: Bà Lại Thị Bảo 517.311.800 đồng; ông Lại Tấn Ninh 517.311.800 đồng; bà Nguyễn Thị Loan, anh Lại Hồng Ánh, chị Lại Hồng Khanh và chị Lại Hồng Linh (là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Tấn Lương) mỗi người 129.327.795 đồng; bà Hoàng Thị Hòa Bình, anh Lại Tấn Tính, anh Lại Tấn Hạnh (là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Tấn Toàn) mỗi người 172.437.266 đồng và bà Trương Thị Hồng Minh, chị Lại Thị Mỹ Duyên, anh Lại Tấn Long, anh Lại Tấn Phát (là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lại Tấn Diện) mỗi người 129.327.795 đồng.

[10] Theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định, định giá chi phí hết 5.000.000 đồng, do nguyên đơn khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này (nguyên đơn đã nộp đủ).

[11] Nguyên đơn, bị đơn là người trên 60 tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chia di sản thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 5% kỷ phần thừa kế được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 157, Điều 165, Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 99, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 119, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Lại Tấn Xư về việc đòi lại di sản thừa kế; yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 18/7/2011 tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1 tỉnh Quảng Bình; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 946563 ngày 07/8/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới cấp cho ông Lại Hữu Tư tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 39 xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận một phần Đơn yêu cầu độc lập của ông Lại Tấn Ninh và bà Lại Thị Bảo về việc yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 18/7/2011 tại Phòng Công chứng Nhà nước số 1 tỉnh Quảng Bình; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 946563 ngày 07/8/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới cấp cho ông Lại Hữu Tư tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 39 xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Chấp nhận một phần Đơn yêu cầu độc lập của ông Lại Tấn Ninh và bà Lại Thị Bảo về việc chia di sản thừa kế. Buộc ông Lại Hữu Tư phải trả cho bà Lại Thị Bảo 517.311.000 đồng (*năm trăm mười bảy triệu, ba trăm mười một ngàn đồng*); ông Lại Tấn Ninh 517.311.000 đồng (*năm trăm mười bảy triệu, ba trăm mười một ngàn đồng*); bà Nguyễn Thị Loan, anh Lại Hồng Ánh, chị Lại Hồng Khanh và chị Lại Hồng Linh mỗi người 129.327.000 đồng (*một trăm hai chín triệu, ba trăm hai bảy ngàn đồng*); bà Hoàng Thị Hòa Bình, anh Lại Tấn Tính, anh Lại Tấn Hạnh mỗi người 172.437.000 đồng (*một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng*) và bà Trương Thị Hồng Minh, chị Lại Thị Mỹ Duyên, anh Lại Tấn Long, anh Lại Tấn Phát mỗi người 129.327.000 đồng (*một trăm hai chín triệu, ba trăm hai bảy ngàn đồng*).

4. Ông Lại Tấn Xư phải chịu 5.000.000 đồng chi phí tố tụng (ông Xư đã nộp đủ).

5. Ông Lại Tấn Xư và ông Lại Hữu Tư được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lại Thị Bảo không phải chịu án phí sơ thẩm nhưng phải chịu 25.866.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004984 ngày 20/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; bà Bảo còn phải nộp 25.566.000 đồng. Ông Lại Tấn Ninh phải chịu 25.866.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Loan, anh Lại Hồng Ánh, chị Lại Hồng Khanh và chị Lại

Hồng Linh mỗi người phải chịu 6.466.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị Hòa Bình, anh Lại Tấn Tính, anh Lại Tấn Hạnh mỗi người chịu 8.622.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị Hồng Minh, chị Lại Thị Mỹ Duyên, anh Lại Tấn Long, anh Lại Tấn Phát mỗi người 6.466.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022. Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa

